

để hút và chứa chất lỏng cho tới khi sản phẩm không dùng được nữa; và (c) một lớp bên ngoài (ví dụ, bằng plastic) để ngăn chất lỏng trào ra khỏi lớp thấm. Sản phẩm thuộc nhóm này thường đã được tạo hình để vừa với cơ thể người. Nhóm này cũng bao gồm những sản phẩm truyền thống tương tự chỉ được làm bằng nguyên liệu dệt, và những mặt hàng này thường sử dụng lại được và giặt là được.

Nhóm này **không bao gồm** sản phẩm như tấm phủ một lần dùng trong phẫu thuật và miếng thấm để trải giường trong bệnh viện, bàn mổ và xe lăn hoặc miếng gắn vào ngực không thấm (dùng để ngăn sữa chảy) hoặc các sản phẩm không thấm khác (thông thường, được phân loại theo vật liệu cấu thành nên chúng).

#### **96.20 - Chân đế dạng đơn, dạng hai chân, ba chân và các sản phẩm tương tự.**

Nhóm này bao gồm các chân đế dạng đơn, dạng hai chân, ba chân và các loại tương tự, được sử dụng như công cụ hỗ trợ cho máy ảnh, máy quay video, dụng cụ chính xác, v.v., để giảm chuyển động ngẫu nhiên. Chúng có thể được mở rộng và thường là xách tay và có thể được trang bị một thiết bị hỗ trợ mở nhanh chóng hoặc đầu giá để dễ lắp đặt và mở máy, dụng cụ. Những sản phẩm này có thể được làm bằng vật liệu bất kỳ, ví dụ, gỗ, nhôm, carbon hoặc bằng một sự kết hợp giữa các vật liệu đó

Một chân đế dạng đơn là một dụng cụ hỗ trợ một chân, đôi khi được gọi là "unipod". Một chân đế hai chân là một dụng cụ hỗ trợ hai chân để cung cấp sự ổn định dọc theo hai trục chuyển động. Một chân đế ba chân là một đế đứng ba chân, cung cấp sự ổn định đáng kể cho các thiết bị hỗ trợ.

Đối với mục đích của nhóm này, khái niệm "sản phẩm tương tự" đề cập đến các thiết bị với bốn hoặc nhiều chân, có chức năng tương tự như các chân đế một chân, hai chân và chân đế ba chân trong việc làm giảm chuyển động ngẫu nhiên. Cây chụp ảnh tự sướng, loại được biết đến là "gậy chụp ảnh tự sướng", thiết kế để cầm trong tay, chứ không phải đứng trên mặt đất, để tự chụp chân dung ("Ảnh tự sướng") bằng cách đặt một điện thoại thông minh, camera chụp ảnh, một máy ảnh kỹ thuật số hoặc một máy quay video trong một khay có thể điều chỉnh vào cuối của thanh, cũng thuộc nhóm này, dù có hoặc không được trang bị điều khiển từ xa có dây hoặc không dây để lấy hình ảnh.

Nhóm này **không bao gồm**:

- (a) Chân đế dùng cho microphones (**nhóm 85.18**).
- (b) Chân đế dùng để giữ một dụng cụ (chẳng hạn, giữ trống thùng hoặc giữ kèn saxophones) (**nhóm 92.09**).
- (c) Chân đế dạng đơn, dạng hai chân, ba chân và các sản phẩm tương tự được thiết kế đặc biệt để sử dụng với các sản phẩm thuộc **Chương 93**."

#### **Phần XXI:**

### **CÁC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT, ĐỒ SƯU TẦM VÀ ĐỒ CỔ**

#### **Chương 97:**

product can be disposed of; and (c) an outer layer (e.g., of plastics) to prevent leakage of fluid from the absorbent core. The articles of this heading are usually shaped so that they may fit snugly to the human body. This heading also includes similar traditional articles made up solely of textile materials, which are usually re-usable following laundering.

This heading **does not cover** products such as disposable surgical drapes and absorbent pads for hospital beds, operating tables and wheelchairs or non-absorbent nursing pads or other non-absorbent articles (in general, classified according to their constituent material).

#### **96.20 - Monopods, bipods, tripods and similar articles.**

This heading covers monopods, bipods, tripods and similar articles, which are used as support for cameras, video cameras, precision instruments, etc., to reduce random movements. They may be extendable and are usually portable and may be equipped with a quick release device or head for easy mounting and release of the apparatus or instrument they support. These articles can be made of any material, e.g., wood, aluminium, carbon or a combination thereof.

A monopod is a one-legged support, sometimes called a "unipod". A bipod is a two-legged support for providing stability along two axes of motion. A tripod is a three-legged stand, which provides significant stability for the device it supports.

For the purpose of this heading, the expression "similar articles" refers to devices with four or more legs, which have the same function as monopods, bipods and tripods in reducing random movements. Selfie pods, also known as "selfie sticks", designed to be held in the hand, rather than to stand on the ground, to take self-portraits ("selfies") by positioning a smartphone, a photographic camera, a digital camera or a video camera recorder in an adjustable holder at the end of the stick, are also included in the heading, whether or not they are equipped with wired or wireless remote control for picture taking.

The heading **does not cover**:

- (a) Stands for microphones (**heading 85.18**).
- (b) Stands for holding an instrument (e.g., side-drums or saxophones) (**heading 92.09**).
- (c) Monopods, bipods, tripods and similar articles specially designed to be used with articles of **Chapter 93**."

#### **Section XXI**

### **WORKS OF ART, COLLECTORS' PIECES AND ANTIQUES**

#### **Chapter 97**

## Các tác phẩm nghệ thuật, đồ sưu tầm và đồ cổ

### Chú giải.

1.- Chương này không bao gồm:

- (a) Tem bưu chính hoặc tem thuế chưa sử dụng, bưu thiếp (đã đóng sẵn tem) hoặc loại tương tự, thuộc nhóm 49.07;
- (b) Phong sơn khấu, phong trường quay hoặc loại tương tự, bằng vải bạt đã sơn vẽ (nhóm 59.07) trừ khi chúng có thể phân loại được vào nhóm 97.06; hoặc
- (c) Ngọc trai, tự nhiên hoặc nuôi cấy, hoặc đá quý hoặc đá bán quý (thuộc các nhóm từ 71.01 đến 71.03).

2.- Nhóm 97.01 không áp dụng cho tranh khảm được tái sản xuất hàng loạt, đồ đúc hoặc tác phẩm thủ công thông thường có tính chất thương mại, ngay cả khi các sản phẩm này được thiết kế hoặc tạo ra bởi các nghệ sĩ.

3.- Theo nội dung của nhóm 97.02, khái niệm “bản khắc, bản in và bản in lytô nguyên bản” có nghĩa là các bản in được in trực tiếp, đen và trắng hoặc in màu, bằng một hoặc một vài bản kẽm do các nghệ nhân thực hiện hoàn toàn bằng tay, không phân biệt quy trình hoặc loại nguyên liệu mà họ sử dụng, nhưng không bao gồm quá trình cơ học hoặc quang cơ.

4.- Nhóm 97.03 không áp dụng đối với các phiên bản hoặc tác phẩm được sản xuất hàng loạt bằng kỹ năng thông thường phục vụ cho mục đích thương mại, cho dù mặt hàng này được thiết kế hoặc tạo ra bởi các nghệ nhân.

5.- (A) Theo các Chú giải từ 1 đến 4 nêu trên, các mặt hàng thuộc Chương này phải được phân loại vào Chương này và không được phân loại vào bất kỳ Chương nào khác của Danh mục.

(B) Nhóm 97.06 không áp dụng cho những mặt hàng thuộc các nhóm trên đây của Chương này.

6.- Khung của các bức tranh vẽ, tranh phác hoạ, tranh bột màu, hình ghép nghệ thuật hoặc phù điêu trang trí tương tự, bản khắc, bản in hoặc bản in lytô được phân loại cùng với các vật phẩm này, với điều kiện là chúng cùng chủng loại và có giá trị tương ứng với các mặt hàng này. Các loại khung mà không cùng chủng loại hoặc không có giá trị tương ứng với các vật phẩm được đề cập trong Chú giải này được phân loại riêng.

### TỔNG QUÁT

Chương này bao gồm:

(A) Một số loại tác phẩm nghệ thuật nhất định: tranh vẽ, bản vẽ và tranh phấn màu, thể hiện hoàn toàn bằng tay, và các tác phẩm ghép nghệ thuật và bức phù điêu trang trí tương tự (nhóm 97.01); các nguyên bản khắc, bản in, bản in li tô (nhóm 97.02); các nguyên bản tác phẩm điêu khắc và tượng tạc (nhóm 97.03).

(B) Tem bưu điện, tem thuế và các loại tem tương tự, dấu tem bưu điện, phong bì có tem đóng dấu ngày phát hành đầu tiên, các ấn phẩm bưu chính (ấn phẩm đóng dấu tem) và các vật phẩm tương tự đã sử dụng hoặc chưa, ngoại trừ những loại thuộc nhóm 49.07

## Works of art, collectors' pieces and antiques

### Notes.

1.- This Chapter does not cover:

- (a) Unused postage or revenue stamps, postal stationery (stamped paper) or the like, of heading 49.07;
- (b) Theatrical scenery, studio back-cloths or the like, of painted canvas (heading 59.07) except if they may be classified in heading 97.06; or
- (c) Pearls, natural or cultured, or precious or semi-precious stones (headings 71.01 to 71.03).

2.- Heading 97.01 does not apply to mosaics that are mass-produced reproductions, casts or works of conventional craftsmanship of a commercial character, even if these articles are designed or created by artists.

3.- For the purposes of heading 97.02, the expression “original engravings, prints and lithographs” means impressions produced directly, in black and white or in colour, of one or of several plates wholly executed by hand by the artist, irrespective of the process or of the material employed by him, but not including any mechanical or photomechanical process.

4.- Heading 97.03 does not apply to mass-produced reproductions or works of conventional craftsmanship of a commercial character, even if these articles are designed or created by artists.

5.- (A) Subject to Notes 1 to 3 above, articles of this Chapter are to be classified in this Chapter and not in any other Chapter of the Nomenclature.

(B) Heading 97.06 does not apply to articles of the preceding headings of this Chapter.

6.- Frames around paintings, drawings, pastels, collages or similar decorative plaques, engravings, prints or lithographs are to be classified with those articles, provided they are of a kind and of a value normal to those articles. Frames which are not of a kind or of a value normal to the articles referred to in this Note are to be classified separately.

### GENERAL

This Chapter covers:

(A) Certain works of art: paintings, drawings and pastels, executed entirely by hand, and collages, mosaics and similar decorative plaques (heading 97.01); original engravings, prints and lithographs (heading 97.02); original sculptures and statuary (heading 97.03).

(B) Postage or revenue and similar stamps, stamp-postmarks, first-day covers, postal stationery (stamped paper) and the like, used or unused, **other than** those of heading 49.07 (heading 97.04).

(nhóm 97.04).

(C) Bộ sưu tập và đồ sưu tầm về động vật học, thực vật học, khoáng vật học, giải phẫu học, lịch sử, khảo cổ học, cổ sinh vật học, dân tộc học, bộ sưu tập tiền cổ (nhóm 97.05).

(D) Đồ cổ có tuổi hơn 100 năm (nhóm 97.06).

Các mặt hàng của Chương này có thể bao gồm các mặt hàng có ý nghĩa văn hóa bị hạn chế xuất khẩu hoặc nhập khẩu.

Tuy nhiên, cần lưu ý, các vật phẩm này sẽ được xếp vào các Chương khác của Danh mục, nếu chúng không phù hợp với các điều kiện nêu tại Chú giải hoặc nhóm của Chương này.

Các vật phẩm thuộc các nhóm từ 97.01 đến 97.05 vẫn được xếp vào các nhóm đó mặc dù chúng có trên 100 năm tuổi.

**97.01 - Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu, được vẽ hoàn toàn bằng tay, trừ các loại tranh phác họa thuộc nhóm 49.06 và trừ các tác phẩm vẽ hoặc trang trí bằng tay; các tác phẩm ghép và phù điêu trang trí tương tự.**

- Có tuổi trên 100 năm:

9701.21 -- Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu

9701.22 -- Tranh khảm

9701.29 -- Loại khác

- Loại khác:

9701.91 -- Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu

9701.92 -- Tranh khảm

9701.99 -- Loại khác

**(A) TRANH VẼ, BẢN VẼ VÀ TRANH BỘT MÀU VẼ HOÀN TOÀN BẰNG TAY, TRỪ CÁC BỨC VẼ THUỘC NHÓM 49.06 VÀ CÁC PHIÊN BẢN CỦA CÁC TÁC PHẨM ĐƯỢC VẼ HOẶC TRANG TRÍ BẰNG TAY**

Nhóm này bao gồm các tranh vẽ, bản vẽ và tranh bột màu (dù là tranh cổ hay hiện đại), được thực hiện hoàn toàn bằng tay. Các tác phẩm này có thể là tranh sơn dầu, sáp màu, keo màu, tranh acrylic, tranh màu nước, tranh bột màu nước, tranh bột màu, bản vẽ thu nhỏ, bản vẽ tay có dạ quang, bản vẽ chì (gồm cả bản vẽ Conte), bản vẽ than hoặc bản vẽ bút sắt... được thể hiện trên bất cứ chất liệu nào.

Vì các tác phẩm này phải hoàn toàn được thực hiện bằng tay nên các sản phẩm làm hoàn toàn hoặc một phần bằng một quy trình khác không bằng tay đều bị loại khỏi nhóm này. Ví dụ, các bức tranh, dù được thể hiện trên vải hay chất liệu khác, thu được nhờ quy trình nhân bản quang cơ; các bức tranh vẽ tay trên một phác thảo có sẵn hoặc trên một bức vẽ được in hoặc khắc sẵn thông thường; các “bản sao thực” của tranh vẽ, thu được bằng cách sử dụng một số khung lọc hoặc khuôn tô, ngay cả khi các bản copy đó được xác thực bởi tác giả.

(C) Collections and collectors' pieces of zoological, botanical, mineralogical, anatomical, historical, archaeological, palaeontological, ethnographic or numismatic interest (heading 97.05).

(D) Antiques of an age exceeding 100 years (heading 97.06).

Articles of this Chapter may include articles of cultural significance that are subject to export or import restrictions.

It should, however, be noted that such articles are classified in other Chapters of the Nomenclature if they do not comply with the conditions arising from the terms of the Notes or headings of this Chapter.

Articles of a kind described in headings 97.01 to 97.05 remain classified in those headings even if they are of an age exceeding 100 years.

**97.01 - Paintings, drawings and pastels, executed entirely by hand, other than drawings of heading 49.06 and other than hand-painted or hand-decorated manufactured articles; collages, mosaics and similar decorative plaques.**

- Of an age exceeding 100 years:

9701.21 -- Paintings, drawings and pastels

9701.22 -- Mosaics

9701.29 -- Other

- Other:

9701.91 -- Paintings, drawings and pastels

9701.92 -- Mosaics

9701.99 -- Other

**(A) PAINTINGS, DRAWINGS AND PASTELS, EXECUTED ENTIRELY BY HAND, OTHER THAN DRAWINGS OF HEADING 49.06 AND OTHER THAN HAND-PAINTED OR HAND-DECORATED MANUFACTURED ARTICLES**

This group covers paintings, drawings and pastels (whether ancient or modern), **executed entirely by hand**. These works may take the form of oil paintings, wax paintings, tempera paintings, acrylic paintings, water-colours, gouache paintings, pastels, miniatures, illuminated manuscripts, pencil drawings (including Conté drawings), charcoal or pen drawings, etc., executed on any material.

As these works must be executed **entirely** by hand, articles obtained **wholly or partly** by any other process are **excluded**, for example, paintings, whether or not on canvas, obtained by photomechanical processes; paintings executed by hand on an outline or on a drawing obtained by ordinary engraving or printing processes; so-called “authentic copies” of paintings, obtained by means of a number of masks or stencils, even if these copies are certified authentic by the artist.

Tuy nhiên, các bản sao chép tranh vẽ vẫn thuộc nhóm này, bất kể giá trị nghệ thuật của chúng ra sao, nếu chúng được làm hoàn toàn bằng tay.

Nhóm này cũng **không bao gồm**:

- (a) Các bản thiết kế và bản vẽ dùng cho mục đích công nghiệp, kiến trúc hoặc kỹ thuật, là bản vẽ gốc bằng tay (**nhóm 49.06**).
- (b) Các mẫu thiết kế hoặc các bức vẽ về thời trang, vàng bạc mỹ nghệ, giấy dán tường, vải, đồ nội thất có bản vẽ gốc bằng tay (**nhóm 49.06**).
- (c) Phong sân khấu, phong trường quay hoặc đồ vật trưng tự, làm bằng vải canvas (vải bố) đã vẽ (**nhóm 59.07** hoặc **97.06**).
- (d) Các đồ vật phiên bản trang trí bằng tay, như lớp phủ tường gồm lớp vải dệt vẽ tay, quà kỷ niệm ngày nghỉ, các loại hộp và hòm, đồ sứ (đĩa, bình...). Chúng được phân loại theo các nhóm riêng tương ứng.

## **(B) CÁC TÁC PHẨM HÌNH GHEP NGHỆ THUẬT VÀ PHÙ ĐIỀU TRANG TRÍ TƯƠNG TỰ**

Nhóm này bao gồm các tác phẩm hình ghép nghệ thuật và phù điêu trang trí tương tự, gồm các mảnh nhỏ làm từ chất liệu động vật, thực vật hoặc chất liệu khác, được lắp ráp để tạo thành một bức tranh hoặc mẫu thiết kế, hoặc hình mẫu, được gắn hoặc dán trên một đế làm bằng gỗ, giấy hoặc vật liệu dệt. Nền tranh có thể để trơn, hoặc vẽ, hoặc in trang trí, hoặc theo các phần của bức tranh ghép, tạo nên các phần của thiết kế tổng thể. Các hình ghép nghệ thuật được phân loại theo chất lượng từ các mặt hàng rẻ tiền sản xuất hàng loạt để bán lẻ, ví dụ như đồ lưu niệm, cho tới các sản phẩm có yêu cầu cao về tay nghề và có thể là các tác phẩm nghệ thuật đích thực.

Theo mục đích của nhóm này, thuật ngữ “phù điêu trang trí tương tự” **không bao gồm** các đồ vật được cấu thành từ chỉ một mảnh nhỏ của một chất liệu, cho dù chúng được gắn hoặc dán trên một tấm đế, những đồ vật này được mô tả cụ thể hơn trong các nhóm khác của Danh mục, ví dụ như “đồ vật trang trí” bằng plastic, hoặc gỗ, kim loại thường... Các đồ vật như vậy được phân loại theo nhóm phù hợp (**nhóm 44.20, 83.06, v.v.**).

Các bức tranh khảm của nhóm này được thực hiện bằng tay, tạo cho chúng đặc tính độc bản và không thể sao chép. Chúng được tạo ra bằng cách ghép các mảnh nhỏ bằng nhiều loại vật liệu khác nhau (được gọi là “tesserae”) lại với nhau tạo thành một bố cục gồm các hình vẽ, họa tiết hoặc mô hình hình học. Tranh khảm bao gồm các mảnh đá cứng, đất nung, gốm sứ, đá cẩm thạch, men, thủy tinh màu hoặc gỗ, có nhiều màu sắc khác nhau.

Tranh khảm vẫn được phân loại vào nhóm 97.01 bất kể chúng được sản xuất vào thời điểm nào, miễn là chúng không mang tính chất thương mại, ví dụ, các bản sao được sản xuất hàng loạt, đồ đúc hoặc tác phẩm thủ công thông thường có tính chất thương mại,

However, copies of paintings remain in this group irrespective of their artistic value, if they are executed entirely by hand.

This group also **excludes**:

- (a) Plans and drawings, for industrial, architectural or engineering purposes, being originals drawn by hand (**heading 49.06**).
- (b) Designs or drawings for fashion models, jewellery, wallpaper, fabrics, furniture, etc., being originals drawn by hand (**heading 49.06**).
- (c) Theatrical scenery, studio back-cloths or the like, of painted canvas (**heading 59.07** or **97.06**).
- (d) Hand-decorated manufactured articles such as wall coverings consisting of hand-painted woven fabrics, holiday souvenirs, boxes and caskets, ceramic wares (plates, dishes, vases, etc.), these are classified under their own appropriate headings.

## **(B) COLLAGES, MOSAICS AND SIMILAR DECORATIVE PLAQUES**

This group covers collages and similar decorative plaques, consisting of bits and pieces of various animal, vegetable or other materials, assembled so as to form a picture or decorative design or motif and glued or otherwise mounted on a backing, e.g., of wood, paper or textile material. The backing may be plain or it may be hand-painted or imprinted with decorative or pictorial elements which form part of the overall design. Collages range in quality from articles cheaply produced in quantity for sale as souvenirs up to products which require a high degree of craftsmanship and which may be genuine works of art.

For the purpose of this group, the term “similar decorative plaques” **does not include** articles consisting of a **single piece of material**, even if mounted or glued on a backing, which are more specifically covered by other headings of the Nomenclature such as “ornaments” of plastics, of wood, of base metal, etc. Such articles are classified in their appropriate headings (**headings 44.20, 83.06, etc.**).

The mosaics of this group are executed by hand, giving them a unique and non-reproducible character. They are made by juxtaposing small pieces of various materials (known as “tesserae”) which together form a composition featuring figures, motifs or geometric patterns. Mosaics consist of pieces of hard stones, terracotta, ceramics, marble, enamels, coloured glass or wood, of different colours.

Mosaics remain classified in heading 97.01 regardless of when they were made, provided they are not of a commercial character, e.g. mass-produced reproductions, casts or works of conventional craftsmanship, as described in Note 2 to this Chapter.

như được mô tả trong Chú giải 2 của Chương này.

\*

\*

\* \*

\* \*

Các loại khung tranh, bức vẽ, tranh bột màu, hình ghép nghệ thuật hoặc phù điêu trang trí tương tự sẽ được phân loại cùng với các đồ vật trong nhóm này **chỉ** khi chúng thuộc loại và có giá trị phù hợp với các đồ vật nêu trên; trường hợp khác, các khung đó được phân loại riêng biệt theo các nhóm phù hợp như đồ vật bằng gỗ, kim loại... (xem Chú giải 5 của Chương này).

#### 97.02 - Nguyên bản các bản khắc, bản in và bản in lytô.

9702.10 - Có tuổi trên 100 năm

9702.90 - Loại khác

Nhóm này bao gồm các **nguyên bản** của bản khắc, bản in và bản in lytô (cổ điển hoặc hiện đại), ví dụ, các bản in trực tiếp, đen trắng hoặc màu, từ một hoặc nhiều bản gốc được tác giả thực hiện hoàn toàn bằng tay, không phụ thuộc vào quy trình làm và vật liệu chế tạo của tác giả đó, nhưng **loại trừ** các quy trình cơ khí hoặc quang cơ (xem Chú giải 3 của Chương này)

**Nếu** thỏa mãn các điều kiện mô tả trên đây, nhóm này bao gồm cả các vật nguyên bản, bản in lytô thực hiện bằng kỹ thuật đồ lại (trong đó với kỹ thuật in lytô, tác giả trước hết tạo bản vẽ của mình trên một loại giấy đặc biệt, sau đó chuyển mẫu thiết kế đó sang đá in).

Bản in như trên được chế tạo từ các bản khắc theo các quy trình khác nhau, ví dụ như bản khắc sử dụng các đường nét, các điểm, bằng nước cường-toan (quy trình dùng axit), hoặc tạo các tập hợp điểm.

Các nguyên bản in vẫn thuộc nhóm này, ngay cả khi chúng được sửa sang lại.

Thường khó phân biệt giữa các bản gốc và bản sao, đồ vật giả hoặc đồ nhái, nhưng tương quan số lượng bản in nhỏ và chất lượng giấy có thể hữu dụng trong việc xác định bản gốc; mặt khác việc sử dụng màn trung gian (trong thuật khắc ảnh trên bản kẽm), và trong phần lớn các trường hợp, việc thiếu các dấu vết của bản gốc trên giấy, là bằng chứng chỉ ra đó là bản sao hoặc bản nhái được chế tạo lại.

Các khung của bản khắc, bản in hoặc bản in lytô cũng được phân loại cùng các đồ vật đó trong nhóm này **chỉ** khi chúng thuộc loại và có giá trị phù hợp với các đồ vật đó; trong trường hợp khác, các loại khung được phân loại riêng biệt trong các nhóm tương ứng như đồ vật gỗ, kim loại ... (xem Chú giải 6 của Chương này).

Cần lưu ý nhóm này **loại trừ** các bản khắc từ đồng, kẽm, gỗ, đá hoặc vật liệu khác (thuộc **nhóm 84.42**).

#### 97.03 - Nguyên bản tác phẩm điêu khắc và tượng tạc, làm bằng mọi loại vật liệu.

Frames around paintings, drawings, pastels, collages or similar decorative plaques are to be classified with those articles in this heading, **only** if they are of a kind and of a value normal to those articles; in other cases the frames are to be classified separately in their appropriate headings as articles of wood, metal, etc. (see Note 6 to this Chapter).

#### 97.02 - Original engravings, prints and lithographs.

9702.10 - Of an age exceeding 100 years

9702.90 - Other

This heading covers **original** engravings, prints and lithographs (whether ancient or modern), i.e., impressions produced directly, in black and white or in colour, from one or several plates wholly executed by hand by the artist, irrespective of the process or of the material employed by him, but **excluding** any mechanical or photomechanical process (see Note 3 to this Chapter).

**Provided**, they satisfy the other conditions of the preceding paragraph, the heading includes, as original works, lithographs executed by the transfer technique (in which the lithographic artist first makes his drawing on a special paper and then transfers the design to the stone).

The impressions as defined above are produced from engraved plates which may have been executed by various processes, e.g., line-engraving, dry-point, aquatint (acid process) or stipple-engraving.

Original impressions remain in this heading even if they have been retouched.

It is often difficult to distinguish the original article from the copy, fake or reproduction, but the relatively small number of impressions and the quality of the paper may be useful guides in determining originals; on the other hand, evidence of the use of half-tone screens (in photogravure and heliogravure) and, very often, the absence of the mark left on the paper by the plate, may indicate a copy or a reproduction.

Frames around engravings, prints or lithographs are to be classified with those articles in this heading, **only** if they are of a kind and of a value normal to those articles; in other cases the frames are to be classified separately in their appropriate headings as articles of wood, metal, etc. (see Note 6 to this Chapter).

It should be noted that the heading **excludes** the plates (in copper, zinc, stone, wood or any other material) from which engravings, etc., are made (**heading 84.42**).

#### 97.03 - Original sculpture and statuary, in any material.

9703.10 - Có tuổi trên 100 năm

9703.90 - Loại khác

Nhóm này bao gồm các tác phẩm điêu khắc, tượng, cổ điển hoặc hiện đại. Chúng có thể được làm bằng bất cứ chất liệu nào (đá, đá hoàn nguyên, đất nung, gỗ, ngà, kim loại, sáp...), dưới dạng hình tròn, chạm chìm hoặc chạm nổi (tượng, tượng bán thân, tượng nhân vật, nhóm tượng, hình thú... gồm cả các hình đắp nổi dùng trong mục đích kiến trúc).

Các đồ vật này có thể được chế tạo bằng nhiều cách khác nhau: tác giả có thể tác động trực tiếp lên vật liệu rắn, hoặc dùng vật liệu mềm để tạo hình, sau đó đổ khuôn đúc bằng đồng hoặc thạch cao, hoặc nung, hoặc làm cứng bằng cách khác, hoặc tái tạo bằng đá hoa cương hoặc vật liệu cứng khác.

Trong quy trình tiếp theo, tác giả thường thực hiện các bước sau:

Anh ta bắt đầu phác thảo ý tưởng của mình dưới dạng một mô hình, cũng thường được gọi là ma ket (thường là mẫu thu nhỏ), bằng đất sét hoặc bằng vật liệu plastic khác. Trên cơ sở mô hình này, anh ta dùng “đất sét” để tạo ra tác phẩm mẫu. Hình mẫu bằng đất sét này ít khi được đem bán, nhưng thường bị hủy sau khi đã làm khuôn đúc một số rất ít các bản sao mà nghệ sĩ đã định trước, hoặc để lưu trong bảo tàng để học tập. Các tác phẩm tái tạo này, trước tiên gồm “mẫu thạch cao” sản xuất trực tiếp từ “mẫu đất sét”. “Mẫu thạch cao” này được dùng như mô hình để thực hiện tác phẩm bằng đá hoặc bằng gỗ, hoặc dùng để làm khuôn đúc bằng kim loại hoặc bằng sáp.

Bởi vậy mà một tác phẩm điêu khắc có thể được làm ra hai hoặc ba phiên bản bằng đá, gỗ hoặc sáp, đồng, v.v... và một vài bản bằng đất nung hoặc thạch cao. Không chỉ mẫu ban đầu mà cả “mẫu đất sét”, “mẫu thạch cao” và các phiên bản này đều là tác phẩm nguyên bản của tác giả đó. Thực tế các bản sao này không bao giờ giống hệt nhau vì tác giả đã can thiệp vào mỗi khâu tạo mẫu (qua việc chỉnh sửa khuôn đúc), cũng như tạo một lớp phủ cho mỗi tác phẩm. Hiếm khi tổng số lượng các nguyên bản vượt quá 12 bức.

Do đó, nhóm này bao gồm không chỉ các mẫu gốc do nhà điêu khắc tạo ra mà còn cả bản sao, bản chụp các đồ vật đó, được tạo ra theo cách thứ hai như đã nêu ở trên cho dù chúng do chính tác giả hoặc do một nghệ sĩ khác tạo ra.

Nhóm này **loại trừ** các đồ vật sau đây, thậm chí chúng do các tác giả thiết kế hoặc sáng tạo ra:

- (a) Tác phẩm điêu khắc mang tính chất thương mại.
- (b) Tư trang và các đồ thủ công mỹ nghệ được sản xuất bằng kỹ năng thông thường mang tính chất thương mại (các vật trang sức, các hình nộm tôn giáo, ...).
- (c) Các bản sao sản xuất hàng loạt bằng thạch cao, vữa giã đá, xi măng, giấy đá, v.v).

9703.10 - Of an age exceeding 100 years

9703.90 - Other

This heading covers original sculptures and statuary, ancient or modern. They may be in any material (stone, reconstituted stone, terra-cotta, wood, ivory, metal, wax, etc.), in the round, in relief or in intaglio (statues, busts, figurines, groups, representations of animals, etc., including reliefs for architectural purposes).

These works may be produced by various processes including the following: in one of these the artist carves the work directly from hard materials; in another the artist models soft materials into figures; these are then cast in bronze or in plaster, or are fired or otherwise hardened, or they may be reproduced by the artist in marble or in other hard materials.

In the latter process, the artist usually proceeds on the following lines:

He begins by roughing out his idea as a model, also known as a maquette, (usually on a reduced scale) in clay or other plastic material; with this as a basis, he then models a “clay form”. This “clay form” is seldom sold, but is usually destroyed after it has served for moulding a very limited number of copies decided in advance by the artist, or it is placed in a museum for study purposes. These reproductions include, firstly, the “plaster model” produced directly from the “clay form”. This “plaster model” is used either as a model for the execution of the work in stone or wood, or for preparing moulds for casting in metal or wax.

The same sculpture may therefore be reproduced as two or three “copies” in marble, wood, wax, bronze, etc., and a few in terra-cotta or in plaster. Not only the preliminary model, but also the “clay form”, the “plaster model” and these “copies” constitute original works of the artist; the copies are in fact never quite identical as the artist has intervened at each stage with additional modelling, corrections to casts, and for the patina imparted to each article. Only rarely does the total number of replicas exceed twelve.

The heading therefore covers not only the original models made by the sculptor but also copies and reproductions of those models made by the second process described above, whether these are made by the sculptor himself or by another artist.

The heading **excludes** the following articles, even if they are designed or created by artists:

- (a) Ornamental sculptures of a commercial character.
- (b) Articles of personal adornment and other works of conventional craftsmanship of a commercial character (ornaments, religious effigies, etc.).
- (c) Mass-produced reproductions in plaster, staff, cement, papier maché, etc.

Ngoại trừ đồ tư trang có thể được xếp ở **nhóm 71.16** hoặc **71.17**, tất cả các đồ vật này đều phân loại theo vật liệu cấu thành (**nhóm 44.20** đối với gỗ, **nhóm 68.02** hoặc **68.15** đối với đá, **nhóm 69.13** đối với gốm, **nhóm 83.06** đối với kim loại thường, v.v.).

**97.04 - Tem bưu chính hoặc tem thuế, dấu tem bưu điện, phong bì có tem đóng dấu ngày phát hành đầu tiên, các ấn phẩm bưu chính (ấn phẩm có in sẵn tem), và các ấn phẩm tương tự, đã hoặc chưa sử dụng, trừ loại thuộc nhóm 49.07.**

Nhóm này bao gồm các sản phẩm sau, đã hoặc chưa qua sử dụng **trừ** loại thuộc **nhóm 49.07**:

(A) Tem bưu điện các loại, tức là tem thông thường dùng để dán lên thư tín hoặc bưu phẩm, tem “cước phí bưu điện”, v.v.

(B) Tem thuế các loại, tức là tem dán lên trên giấy biên nhận, tem đăng ký, tem cho phép lưu hành, tem lãnh sự, băng thu thuế có đóng dấu....

(C) Dấu tem bưu điện: tức là thư mang dấu bưu điện không cần tem, được sử dụng trước khi có tem thư ra đời.

(D) Tem dán trên phong bì hoặc bưu thiếp, bao gồm cả phong bì dán một hoặc một bộ tem kỷ niệm ngày phát hành đầu tiên của một bộ tem và "bưu thiếp tối đa". Loại sau bao gồm các bưu thiếp có dán một con tem và minh họa lại kiểu dáng của con tem đó. Tem bưu điện này được huỷ bằng một con tem ngày bình thường hoặc đặc biệt chỉ rõ địa điểm gắn với hình minh họa và ngày phát hành con tem.

(E) **Ấn phẩm bưu điện (giấy đóng sẵn tem bưu điện)** tức là phong bì, thiệp thư, bưu thiếp, giải băng bọc báo... có đóng dấu miễn cước phí.

Các đồ vật thuộc nhóm này có thể được trình bày rời (tem rời, các góc đóng dấu ngày tháng, bộ tem liền tờ) hoặc dưới dạng bộ sưu tập. Album có chứa các bộ sưu tập các đồ vật này được xem như một phần của bộ sưu tập **với điều kiện** là chúng có giá trị tương ứng với bộ sưu tập đó.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Các bưu thiếp tối đa và các phong bì kỷ niệm ngày phát hành của bộ tem (có hoặc không có minh họa), nhưng không dán tem bưu điện (**nhóm 48.17** hoặc **Chương 49**).

(b) Các tem bưu điện, tem thuế, ấn phẩm bưu điện và các loại tương tự chưa qua sử dụng, hiện đang lưu hành hoặc mới phát trong nước và có (hoặc sẽ có) giá trị sử dụng bằng một mệnh giá ghi trên mặt con tem (**nhóm 49.07**).

(c) Phiếu khuyến mãi dưới dạng “tem tiết kiệm” do các tổ chức tư nhân hoặc kinh doanh cấp cho khách hàng và các con tem đôi khi phân phối làm giải thưởng do những người bán lẻ phát cho khách hàng như là một khoản giảm giá khi mua hàng (**nhóm 49.11**).

**With the exception of** articles of adornment classifiable in **heading 71.16** or **71.17**, all these articles are classified according to their constituent material (**heading 44.20** for wood, **heading 68.02** or **68.15** for stone, **heading 69.13** for ceramics, **heading 83.06** for base metal, etc.).

**97.04 - Postage or revenue stamps, stamp-postmarks, first-day covers, postal stationery (stamped paper), and the like, used or unused, other than those of heading 49.07.**

This heading covers the following products used or unused, **other than** those of **heading 49.07**:

(A) Postage stamps of all kinds, i.e., the stamps of the kind normally used for affixing to correspondence or postal packages; “postage due” stamps, etc.

(B) Revenue stamps of all kinds, i.e., receipt stamps, registration stamps, circulation permit stamps, consular stamps, stamped revenue bands, etc.

(C) Stamp-postmarks, i.e., letters bearing a postmark, but no postage stamps, used before the introduction of postage stamps.

(D) Postage stamps stuck on envelopes or cards, including “first-day covers”, which are envelopes, usually marked “first-day”, bearing a postage stamp (or a set of postage stamps) postmarked with its date of issue, and “maximum cards”. The latter are cards bearing a postage stamp and a reproduction of the stamp’s design. The postage stamp is cancelled with an ordinary or special date-stamp showing the place associated with the design and the date of issue.

(E) **Postal stationery (stamped paper)**, i.e., franked envelopes, letter-cards, postcards, newspaper wrappers, etc.

The articles of this heading may be presented in bulk (separate stamps, date-stamped corners, complete sheets), or in collections. Albums containing collections of such articles are treated as forming part of the collections **provided** they are of a value normal to the collection.

The heading **excludes**:

(a) Maximum cards and first-day covers (whether or not illustrated) not bearing postage stamps (**heading 48.17** or **Chapter 49**).

(b) Unused postage or revenue stamps, postal stationery (stamped paper) or the like, of current or new issue in the country in which they have, or will have, a recognised face value (**heading 49.07**).

Vouchers in the form of “savings stamps” issued by private or commercial bodies to customers, and stamps sometimes issued by retailers to their customers as a rebate on purchases (**heading 49.11**).

**97.05 - Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập chủng loại khảo cổ, dân tộc học, sử học, động vật, thực vật, khoáng vật, giải phẫu học, cổ sinh vật học hoặc các loại tiền.**

9705.10 - Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập chủng loại khảo cổ, dân tộc học hoặc sử học

- Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập chủng loại động vật, thực vật, khoáng vật, giải phẫu học hoặc cổ sinh vật học:

9705.21 - - Tiêu bản người và các bộ phận của chúng

9705.22 - - Các loài đã tuyệt chủng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng và các bộ phận của chúng

9705.29 - - Loại khác

- Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập các loại tiền:

9705.31 - - Có tuổi trên 100 năm

9705.39 - - Loại khác

Các đồ vật này thường ít có giá trị thực nhưng lại hấp dẫn vì vì sự hiếm hoi của chúng, vì nhóm của chúng hoặc vì hình thức của chúng. Nhóm này bao gồm:

**(A) Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập có giá trị khảo cổ, dân tộc học hoặc lịch sử.** Bao gồm:

(1) Các vật phẩm “có giá trị khảo cổ” cung cấp sự hiểu biết khoa học hoặc nhân văn về hành vi của con người trong quá khứ, bằng chứng về sự thích nghi văn hóa và biểu hiện nghệ thuật, chúng thường được phát hiện nhờ khai quật (ví dụ, một cách khoa học, bí mật khai hoặc tình cờ) hoặc tìm kiếm (ví dụ, trên cạn hoặc dưới nước).

Các mặt hàng này bao gồm, nhưng không giới hạn ở các bức tranh hang động, bích họa, tác phẩm điêu khắc cổ ở dạng tròn và phù điêu, tranh khắc đá và các yếu tố kiến trúc chạm khắc như đầu cột, lanh cửa, v.v.; dây chuyền, vòng tay, nhẫn, đồ trang trí ở tai và mũi, trâm cài, vương miện, ghim, vòng ngực, thắt lưng và nút môi; bằng đất sét có khắc chữ, vỏ hoặc xương có khắc chữ, đá có ký hiệu, biểu tượng và từ ngữ được khắc hoặc nổi lên và văn bản viết tay hoặc minh họa trên giấy cói, gỗ, lụa, giấy hoặc giấy da (parchment hoặc vellum).

(2) Các vật phẩm “có giá trị dân tộc học” nói chung là sản phẩm của một xã hội bản địa, bộ lạc hoặc phi công nghiệp và cần thiết cho việc thực hành các tôn giáo truyền thống hoặc quan trọng đối với di sản văn hóa của một dân tộc vì chúng có những đặc điểm riêng biệt, tương đối hiếm hoặc góp phần vào kiến thức về nguồn gốc, sự phát triển hoặc lịch sử của dân tộc đó.

Những vật phẩm như vậy bao gồm nhưng không giới hạn ở các biểu tượng tôn giáo và nghi lễ, các nhân vật và tác phẩm điêu khắc về tổ tiên và tôn giáo; di vật, thánh tích, đầu teo nhỏ (shrunken heads), da đầu, đầu lâu có trang trí, dụng cụ, nhạc cụ làm từ xương người; và các tài liệu hoặc văn bản viết tay, đôi khi có hình

**97.05 - Collections and collectors' pieces of archaeological, ethnographic, historical, zoological, botanical, mineralogical, anatomical, paleontological or numismatic interest.**

9705.10 - Collections and collectors' pieces of archaeological, ethnographic or historical interest

- Collections and collectors' pieces of zoological, botanical, mineralogical, anatomical or paleontological interest:

9705.21 - - Human specimens and parts thereof

9705.22 - - Extinct or endangered species and parts thereof

9705.29 - - Other

- Collections and collectors' pieces of numismatic interest:

9705.31 - - Of an age exceeding 100 years

9705.39 - - Other

These articles are very often of little intrinsic value but derive their interest from their rarity, their grouping or their presentation. The heading includes:

**(A) Collections and collectors' pieces of archaeological, ethnographic or historical interest.** Included are:

(1) Articles “of archaeological interest” provide scientific or humanistic understanding of past human behaviour, evidence of cultural adaptation and artistic expression, they would normally be discovered as a result of excavation (e.g. scientific, clandestine or accidental) or exploration (i.e. on land or under water).

Such articles include, but are not limited to cave paintings, frescoes, ancient sculptures in the round and reliefs, petroglyphs and carved architectural elements such as column capitals, door lintels, etc.; necklaces, bracelets, finger rings, ear and nose ornaments, brooches, crowns, pins, pectorals, belts and lip plugs; inscribed clay tablets, inscribed shell or bone, stones with incised or raised signs, symbols and words and handwritten or illustrated texts on papyrus, wood, silk, parchment, paper or vellum.

(2) Articles “of ethnographic interest” are generally a product of an autochthonous, tribal or non-industrial society and are needed for the practice of traditional religions or are important to the cultural heritage of a people because they possess distinctive characteristics, are comparatively rare or contribute to the knowledge of the origins, development or history of that people.

Such articles include, but are not limited to, religious and ceremonial regalia and ancestral and religious figures and sculptures; relics and reliquaries, shrunken heads, scalps, decorated skulls, tools and musical instruments made from human bone; and handwritten documents or texts, sometimes with illustrations, on

minh họa, trên gỗ, lụa, giấy da (parchment, vellum), giấy hoặc da. Tài liệu có thể được tìm thấy dưới dạng tờ riêng lẻ, cuộn hoặc tập đóng bìa. Ví dụ bao gồm Kinh thánh viết tay, Kinh Torah, Kinh Koran và các văn bản, thư từ, chuyên luận, học thuyết và tiểu luận tôn giáo khác.

(3) Các vật phẩm “có giá trị lịch sử” là do con người tạo ra, liên quan đến các sự kiện lịch sử quan trọng của quốc gia hoặc toàn cầu có ý nghĩa chính trị, khoa học, công nghệ, quân sự hoặc xã hội, hoặc cuộc đời hoặc thành tựu của các nhà lãnh đạo, nhà tư tưởng, nhà khoa học và nghệ sĩ nổi tiếng quốc gia hoặc toàn cầu.

Những vật phẩm như vậy bao gồm, nhưng không giới hạn, đồng phục hoặc vũ khí của người lính thời Trung cổ, phù hiệu hoàng gia được sử dụng trong lễ đăng quang của vua chúa và vật chứa được sử dụng trong phòng thí nghiệm giả kim ở các nền văn minh cổ đại.

**(B) Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập có giá trị về động vật, thực vật, khoáng vật, giải phẫu học hoặc cổ sinh vật học. Bao gồm:**

(1) Động vật chết thuộc bất kỳ loài nào được bảo quản khô hay trong dung dịch; thú nhồi cho các bộ sưu tập.

(2) Trứng đã hút lòng, các côn trùng đựng trong hộp, ép trong khung kính... (**ngoại trừ** các mặt hàng giả đồ trang sức hoặc đồ nữ trang rẻ tiền), các vỏ sò rỗng **ngoại trừ** loại dùng cho công nghiệp.

(3) Hạt và cây phơi khô hoặc bảo quản trong dung dịch; tập bách thảo.

(4) Các khoáng chất (**trừ** đá quý hoặc bán quý thuộc **Chương 71**); hoá thạch.

(5) Các mẫu vật khoa xương (bộ xương, sọ, xương).

(6) Các mẫu vật giải phẫu và bệnh học

(7) Các vật phẩm “có giá trị về cổ sinh vật học” bao gồm, nhưng không giới hạn, các tàn tích, dấu vết hoặc vết tích của các sinh vật hóa thạch, dù là động vật hay thực vật, được bảo quản trong hoặc trên vỏ trái đất, cung cấp thông tin về lịch sử về sự sống các loài không phải loài người trên Trái đất.

Những vật phẩm như vậy bao gồm nhưng không giới hạn ở hóa thạch của khủng long, thực vật và động vật đã tuyệt chủng.

**(C) Bộ sưu tập và các mẫu vật của người sưu tập về lịch sử, dân tộc học, cổ sinh vật học hoặc khảo cổ, ví dụ:**

(1) Các đồ vật là vật chứng cho một hoạt động của con người, phù hợp cho việc nghiên cứu về đời sống của các thế hệ, cụ thể như: xác ướp, quan quách, vũ khí, các vật thờ cúng, quần áo, y phục, các đồ vật thuộc về những nhân vật nổi tiếng.

(2) Các đồ vật cho phép nghiên cứu các hoạt động, phong tục, tập quán và đặc điểm của dân cư sống vào thời sơ khai như công cụ, vũ khí và các đồ thờ cúng.

wood, silk, parchment, vellum, paper or leather.

Documents may be found as individual sheets, scrolls or bound volumes. Examples include handwritten Bibles, Torahs, Korans and other religious texts, letters, treatises, doctrines and essays.

(3) Articles of “historical interest” are human-made, relate to significant national or global historical events of political, scientific, technological, military or social significance, or the life or achievements of leaders, thinkers, scientists and artists of national or global renown.

Such articles include, but are not limited to, a uniform or a weapon of a soldier in the Middle Ages, the royal insignia used in the coronation of a sovereign and a vessel used in an alchemy laboratory in ancient civilizations.

**(B) Collections and collectors' pieces of zoological, botanical, mineralogical, anatomical or paleontological interest. Included are:**

(1) Dead animals of any species, preserved dry or in liquid; stuffed animals for collections.

(2) Blown or sucked eggs; insects in boxes, frames, etc. (**other than** mounted articles constituting imitation jewellery or trinkets); empty shells, **other than** those of a kind suitable for industrial use.

(3) Seeds or plants, dried or preserved in liquid; herbariums.

(4) Specimens of minerals (**not being** precious or semi-precious stones falling in **Chapter 71**); specimens of petrification.

(5) Osteological specimens (skeletons, skulls, bones).

(6) Anatomical and pathological specimens.

(7) Articles “of paleontological interest” include, but are not limited to, the fossilized remains, traces or imprints of organisms, whether animal or vegetable, preserved in or on the earth's crust, which provide information about the history of non-human life on earth.

Such articles include, but are not limited to, fossils of dinosaurs, extinct plants and animals.

**(C) Collections and collectors' pieces of historical, ethnographic, palaeontological or archaeological interest, for example:**

(1) Articles being the material remains of human activity suitable for the study of the activities of earlier generations, such as: mummies, sarcophagi, weapons, objects of worship, articles of apparel, articles which have belonged to famous persons.

(2) Articles having a bearing on the study of the activities, manners, customs and characteristics of contemporary primitive peoples, for example, tools, weapons or objects of worship.

(3) Các mẫu địa chất cho phép nghiên cứu các sinh vật hoá thạch (các chất hữu cơ đã bị phân hủy, chỉ còn để lại dấu vết trong các tầng địa chất) cho dù đó là động vật hoặc thực vật.

**(C) Bộ sưu tập và các mẫu vật của người sưu tập tiền cổ.**

Đây là các đồng tiền xu, tiền giấy không còn giá trị pháp lý, loại trừ những đồ vật thuộc nhóm 49.07 và huy chương được trình bày thành bộ sưu tập hoặc để riêng lẻ, trong trường hợp sau, mỗi bộ thường chỉ gồm một vài mẫu của bất kỳ loại tiền xu hoặc huy chương nào và chúng được xếp vào đây **chỉ khi** chúng rõ ràng dùng cho mục đích sưu tập.

Nhóm này **loại trừ** tiền xu và huy chương được coi là mẫu vật của người sưu tập hoặc bộ sưu tập tiền cổ (chẳng hạn tập hợp nhiều tiền xu hoặc huy chương cùng một loại); chúng nói chung được xếp vào **Chương 71**, trừ “tiền xu” và “huy chương” bị đập hoặc bị bẻ cong, hoặc bị làm hư hại đến mức chúng chỉ thích hợp để nấu chảy... mà thoát nhìn có thể xếp vào **nhóm các phế liệu kim loại**.

Tiền xu là tiền tệ chính thức tại nước phát hành, được xếp vào **nhóm 71.18** cho dù chúng được tập hợp thành bộ để bán nhằm mục đích giới thiệu.

Tiền xu hoặc huy chương dùng làm đồ trang sức được xếp vào Chương 71 hoặc nhóm 97.06.

Tiền giấy không còn là tiền tệ chính thức và không phải thuộc bộ sưu tập hoặc không hình thành bộ sưu tập thì được phân loại vào **nhóm 49.07**.

\*

\* \*

Các đồ vật được sản xuất cho mục đích thương mại để ghi nhớ, kỷ niệm hoặc minh họa một sự kiện hoặc một vấn đề nào khác, dù chúng được hay không được sản xuất với số lượng hạn chế hoặc không lưu hành rộng rãi, **đều không được xếp** vào nhóm này, như là các bộ sưu tập và vật mẫu về lịch sử hoặc tiền cổ trừ phi bản thân các đồ vật này sau này thu hút sự hấp dẫn nhờ tuổi và độ hiếm hoi của chúng.

**97.06 - Đồ cổ có tuổi trên 100 năm.**

9706.10 - Có tuổi trên 250 năm

9706.90 - Loại khác

Nhóm này bao gồm mọi đồ vật cổ có hơn 100 năm tuổi, **với điều kiện** chúng không thuộc vào **nhóm 97.01 đến 97.05**. Sức hấp dẫn của các đồ vật này do tuổi của chúng, dẫn tới sự khan hiếm của chúng.

Theo các điều kiện đó, nhóm này bao gồm:

- (1) Các đồ đạc, khung và panen cổ.
- (2) Các sản phẩm của công nghiệp in: sách in cổ trước năm 1500 và các sách khác, âm nhạc, bản đồ, bản khắc (**trừ loại thuộc nhóm 97.02**).
- (3) Bình và các đồ vật bằng sứ khác.

(3) Geological specimens for the study of fossils (extinct organisms which have left their remains or imprints in geological strata), whether animal or vegetable.

**(C) Collections and collectors' pieces of numismatic interest.**

These are coins, banknotes which are no longer legal tender, other than those of heading 49.07, and medals presented as collections or as separate pieces; in the latter case, each consignment usually contains only a few examples of any one coin or medal, and these are classified here **only if** clearly intended for a collection.

The heading **excludes** coins and medals not regarded as collectors' pieces nor forming a collection of numismatic interest (e.g., large consignments of any one coin or medal); these generally fall in **Chapter 71**, but any such “coins” and “medals” so battered or bent that they are fit only for remelting, etc. are *prima facie* classifiable in the **headings for scrap and waste metal**.

Coins which are legal tender in the country of issue fall in **heading 71.18** even if they are put up for general sale in presentation cases.

Coins or medals mounted as jewellery are **excluded (Chapter 71 or heading 97.06)**.

Banknotes which are no longer legal tender, and which are not regarded as collectors' pieces nor as forming a collection, are classified in **heading 49.07**.

\*

\* \*

Goods produced as a commercial undertaking to commemorate, celebrate, illustrate or depict an event or any other matter, whether or not production is limited in quantity or circulation, **do not fall** in this heading as collections or collectors' pieces of historical or numismatic interest unless the goods themselves have subsequently attained that interest by reason of their age or rarity.

**97.06 - Antiques of an age exceeding 100 years.**

9706.10 - Of an age exceeding 250 years

9706.90 - Other

This heading covers all antiques of an age exceeding one hundred years, **provided** they are not included in **headings 97.01 to 97.05**. The interest of these articles derives from their age and, as a general consequence, their resulting rarity.

**Subject** to these conditions, the heading includes:

- (1) Antique furniture, frames and panelling.
- (2) Products of the printing industry: incunabula and other books, music, maps, engravings (**other than** those of **heading 97.02**).
- (3) Vases and other ceramic articles.

(4) Các sản phẩm dệt: thảm, hàng thêu đăng ten và vải khác.

(5) Các đồ kim hoàn.

(6) Các sản phẩm của thợ vàng hoặc thợ bạc (bình nước, cốc, đèn, lọ, khay...).

(7) Cửa kính trong hoặc kính màu.

(8) Đèn chùm và đèn.

(9) Các sản phẩm của thợ sắt, thợ khoá.

(10) Các đồ trang trí nhỏ trong phòng kính (hộp, hộp đựng kẹo, hộp đựng thuốc lá, hộp tư trang, quạt ...)

(11) Nhạc cụ.

(12) Đồng hồ các loại.

(13) Các tác phẩm nghệ thuật chạm đá quý (đá màu trạm nổi, đá đã gọt dũa) và của ấn tín học (ấn tín, v.v.).

**Nếu** chúng vẫn giữ lại được đặc tính ban đầu thì nhóm này bao gồm cả đồ cổ đã được sửa chữa và phục chế. Ví dụ các đồ đạc, giường tủ cổ được lắp thêm các bộ phận mới sản xuất (ví dụ dùng để gia cố hoặc sửa chữa); các loại thảm, đồ da hoặc vải cổ... được gắn trên nền gỗ hiện đại.

Nhóm này **không bao gồm** ngọc trai thiên nhiên hoặc nuôi cấy và đá quý hoặc bán quý, cho dù tuổi của chúng thế nào (thuộc **nhóm 71.01 đến 71.03**)

(4) Textile articles: carpets, tapestries, embroidery, lace and other fabrics.

(5) Jewellery.

(6) Articles of goldsmiths' or silversmiths' wares (ewers, cups, candelabra, plate, etc.).

(7) Leaded or stained glass windows.

(8) Chandeliers and lamps.

(9) Ironmongers' and locksmiths' wares.

(10) Small ornaments for glass cabinets (boxes, sweetmeat boxes, snuff boxes, tobacco graters, caskets, fans, etc.).

(11) Musical instruments.

(12) Clocks and watches.

(13) Glyptographers' wares (cameos, carved stones) and sigillographers' wares (seals, etc.).

**Provided** they retain their original character, the heading includes antique articles which have been repaired or restored. For example, the heading includes: antique furniture incorporating parts of modern manufacture (e.g., reinforcements and repairs); antique tapestries, leather or fabrics, mounted on modern wood.

The heading **does not cover**, irrespective of their age, pearls, natural or cultured, or precious or semi-precious stones of headings **71.01 to 71.03**.